

# ĐẶC ĐIỂM TÍNH CÁCH VÀ HÀNH VI TÌM KIẾM THÔNG TIN CỦA GIẢNG VIÊN<sup>1</sup>

ThS Bùi Hà Phương

Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày khái niệm cơ bản về hành vi tìm kiếm thông tin và nhận diện các xu hướng tính cách trong hoạt động tìm kiếm thông tin của giảng viên. Trên cơ sở này, một số giải pháp nhằm hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của giảng viên được đề xuất cụ thể.

**Từ khóa:** Hành vi tìm kiếm thông tin; hành vi thông tin; giảng viên.

## Personality characteristics and information seeking behavior of lecturers

**Abstract:** The article introduces information seeking behavior and identifies personality traits of lecturers when seeking information. Based on this, the article proposes some detailed solutions to improve the information seeking behavior of lecturers.

**Keywords:** Information seeking behavior; information behavior; lecturer.

### 1. Khái niệm hành vi thông tin

Trong tâm lý học, hành vi là những phản ứng của con người khi có những tác động kích thích ở bên trong (tâm lý) hay ở bên ngoài (ngoại cảnh, môi trường). Những phản ứng đó phụ thuộc vào việc cá nhân đó nhận thức, tổ thái độ và hành động như thế nào để phù hợp với hoàn cảnh hay một tình huống nhất định. Hành vi đó gọi là hành vi có ý thức. Hành vi của con người phụ thuộc vào mục đích, bản chất và cách thức thể hiện hành vi [1, tr.53].

Là một vấn đề liên ngành được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, hành vi thông tin (thuật ngữ tiếng Anh là "information behavior", viết tắt là HVTT) là một vấn đề được nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực như tâm lý học nhận thức, hành vi tổ chức, truyền thông, triết học, nhân chủng học, sinh học

và triết học, trong đó có khoa học thông tin. Khái niệm HVTT được hình thành từ khi xuất hiện các hoạt động phục vụ nhu cầu tin tại các thư viện, trung tâm thông tin. HVTT được hiểu là toàn bộ các hoạt động được người dùng tin (NDT) chủ động thực hiện nhằm thoả mãn nhu cầu tin của bản thân. HVTT bao gồm các hoạt động chính: (1) Xác định nhu cầu tin, (2) Tìm kiếm thông tin, (3) Sử dụng và chia sẻ thông tin hợp lý. Trong đó, hành vi tìm kiếm thông tin là một thành phần của HVTT.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm thông tin của NDT, bao gồm: yếu tố văn hoá, yếu tố xã hội, yếu tố cá nhân và yếu tố tâm lý. Một trong những yếu tố tâm lý quan trọng, định hướng hành vi của mỗi người chính là tính cách. Mỗi người đều có những cảm xúc riêng, suy nghĩ và hành vi

<sup>1</sup> Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Mã số đề tài: T2018-06.

riêng biệt, được hình thành bởi sự kết hợp ổn định của các đặc điểm tính cách. Tính cách là kiểu suy nghĩ, cảm xúc và hành vi, giúp phân biệt người này với người khác, tồn tại theo thời gian và trong mọi tình huống [6, tr. 4]. Đó là sự kết hợp các thuộc tính tâm lý cơ bản và bền vững của con người. Nó được biểu thị thành thái độ, hành vi của con người đối với bạn thân, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và đối với xã hội nói chung.

Với đối tượng NDT là giảng viên, những đặc điểm cá nhân của NDT không chỉ giới hạn ở trình độ chuyên môn, độ tuổi, giới tính, ... mà còn bao gồm cả những yếu tố thuộc về tâm lý, như: thái độ, nhận thức của giảng viên (viết tắt là GV) trong hoạt động giảng dạy, phương pháp nghiên cứu và tự học, nhận thức của GV về nhu cầu tin, và đặc điểm tính cách của GV, động lực của GV trong quá trình tìm kiếm thông tin. Rất khó để đo lường và nhận diện được những đặc điểm mang yếu tố tâm lý bên trong GV khi tìm kiếm thông tin. Mặc dù vậy, để hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của GV, các thư viện đại học cần có sự nghiên cứu và nhận diện một cách đầy đủ, trên cơ sở đó, có thể tiến hành phát triển nguồn lực thông tin và sản phẩm dịch vụ TT-TV, cùng với sự hỗ trợ của đội ngũ cán bộ thư viện hỗ trợ để đáp ứng theo từng nhóm tính cách khác của GV trong các trường đại học.

## 2. Những đặc điểm về hành vi tìm kiếm thông tin của giảng viên

Hành vi tìm kiếm thông tin được xem là một khía cạnh của HVTT và có thể mang tính cá nhân bởi lẽ đó là các hoạt động cụ thể được một cá nhân thực hiện nhằm thoả mãn nhu cầu tin [2, tr. 307] và mong muốn thu thập thông tin liên quan đến một vấn đề hay nhiệm vụ nào đó [3, tr. 187]. Đó là kết quả từ việc nhận thức về nhu cầu thông

tin của cá nhân, dẫn đến việc tra cứu, trích lọc, và sử dụng thông tin cho một mục đích cụ thể.

Trong quá trình tìm tin, NDT phải chủ động đánh giá các nguồn thông tin hay hệ thống tìm tin để thoả mãn nhu cầu tin hay giải quyết vấn đề; lựa chọn và tương tác thông tin từ một nguồn, hệ thống, kênh hay dịch vụ thông tin nào đó [4, tr. 4]. Có thể nhận thấy hai hướng tiếp cận chủ yếu: một là theo quan điểm tiếp cận từ nhận thức, nghĩa là NDT nhận thấy nhu cầu tin của bản thân và thực hiện việc tìm kiếm thông tin để thoả mãn nhu cầu nhận thức; hai là cách tiếp cận từ hệ thống, khi đó, NDT được xem là cá nhân tiếp cận các nguồn, hệ thống thông tin, sử dụng các dịch vụ thông tin để thoả mãn nhu cầu tin.

Như vậy, hành vi tìm kiếm thông tin là tập hợp các hoạt động chủ động của NDT liên quan đến quá trình xác định và đánh giá nguồn thông tin; xây dựng chiến lược tìm kiếm thông tin; đánh giá và chọn lọc thông tin nhằm thoả mãn nhu cầu tin đã xác định. Đối với GV, là nhóm NDT khoa học có trình độ chuyên môn cao, nhu cầu tin ổn định, thường xuyên, chuyên sâu và mang tính cập nhật, hiện đại, thì hành vi tìm kiếm thông tin gắn liền với việc thoả mãn nhu cầu tin trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và tự học.

Thứ nhất, quá trình xác định và đánh giá nguồn thông tin của GV bao gồm việc GV phân biệt được các nguồn thông tin khác nhau, các đặc điểm về loại hình tài liệu. Trên cơ sở đó, NDT đánh giá và chọn lọc nguồn thông tin thích hợp dựa trên các tiêu chí cụ thể.

Thứ hai, xây dựng chiến lược tìm kiếm thông tin là một thành phần trong hành vi

tìm kiếm thông tin. GV nhận diện được cách tổ chức thông tin và cách tra cứu các hệ thống tìm tin dựa trên chiến lược tìm kiếm thông tin đã xây dựng; đồng thời, thiết lập biểu thức tìm tin, sử dụng các công cụ tìm tin. Kết quả tìm tin sẽ được GV đánh giá và sử dụng sau đó. Tuy nhiên, GV cũng chủ động có sự điều chỉnh linh hoạt trong suốt quá trình tìm kiếm thông tin.

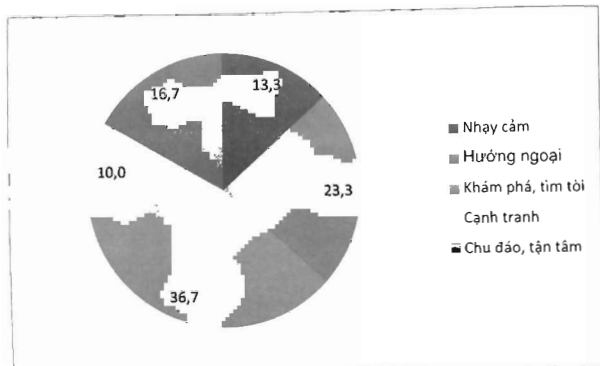
Thứ ba, hành vi tìm kiếm thông tin được thể hiện qua hoạt động đánh giá và chọn lọc thông tin. NDT có thể xem lướt thông tin tìm được, đánh giá tính thích hợp và đầy đủ

của thông tin so với yêu cầu tin và chọn lọc thông tin nào phù hợp nhất.

### 3. Đặc điểm tính cách của giảng viên trong quá trình tìm kiếm thông tin

Có 5 xu hướng tính cách cơ bản [5] ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm thông tin của NDT, bao gồm:

- tính nhạy cảm;
- tính hướng ngoại;
- tính khám phá, tìm tòi;
- tính cạnh tranh;
- tính chu đáo, tận tâm.



**Biểu đồ 1.** Đặc điểm tính cách của giảng viên trường ĐH KHXH&NV  
(Nguồn: Số liệu khảo sát tại trường ĐH KHXH&NV, tháng 04/2018)

*Tính nhạy cảm (Neuroticism):* Đối với những GV có tính cách khá nhạy cảm, dễ bị tổn thương bởi những tác động bên ngoài, thì áp lực thời gian sẽ là rào cản lớn trong quá trình tìm kiếm thông tin và sẽ gặp khó khăn trong quá trình định hướng nguồn

thông tin cũng như xác định thông tin phù hợp. Những cảm xúc tiêu cực sẽ tác động rất lớn đối với những GV có tính cách này. Ngoài ra, GV thường sẽ e ngại khi bắt đầu tìm tin, bởi vì họ không thấy tự tin về khả năng tìm tin của bản thân, họ sẽ không cố

gắng và nỗ lực thực sự để tìm được thông tin phù hợp. Chẳng hạn, khi tìm tin ở CSDL, khi yêu cầu tin đầu tiên không thu được kết quả như ý muốn, họ sẽ dễ dàng chuyển sang một nguồn thông tin khác để tìm kiếm.

**Tính hướng ngoại (Extraversion):** Những GV có tính cách hướng ngoại thường mang những đặc điểm như nhiệt tình, năng động và tự tin. Điều này thể hiện qua quá trình tìm kiếm thông tin của GV. Cụ thể, GV hướng ngoại mong muốn tìm được nhiều thông tin ngay cả khi không có nhu cầu tin đó. Chiến lược tìm tin thường được thực hiện dựa trên mối quan hệ xã hội của bản thân. Thông thường, những GV này sẽ nhờ đến sự tư vấn, trao đổi, hỗ trợ từ các GV lớn tuổi, có kinh nghiệm, đồng nghiệp, bạn bè và coi đây là những nguồn thông tin hữu ích, có giá trị. Ngoài ra, với đặc điểm tính cách này, GV thường có xu hướng thu thập rất nhiều tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau, tuy vậy, họ không hoàn toàn sử dụng hay đọc toàn bộ những tài liệu đã thu thập được trước đó.

**Thích khám phá, tìm tòi (Openness to experience):** Với tính cách này, GV thường có xu hướng tìm tin ở phạm vi rộng, thu thập thông tin một cách ngẫu nhiên, ưu tiên tìm kiếm những tài liệu có tính mới, kích thích khả năng sáng tạo của bản thân. Thông thường, những GV có tính cách này dành nhiều thời gian và công sức để tìm kiếm thông tin, thường thích tìm tòi những tài liệu liên quan ở phạm vi rộng hơn từ kết quả tìm kiếm, thay vì chỉ giới hạn trong những yêu cầu tìm kiếm ban đầu. Đối với GV có tính cách này, trí tò mò là nhân tố thúc đẩy hành vi tìm kiếm thông tin ở phạm vi rộng hơn. Có thể nhận thấy, các ý tưởng thường được hình thành từ chính quá trình tìm kiếm thông tin của GV có tính cách này. Hơn nữa, khi mức độ quan tâm đến thông tin của GV càng cao thì nhu cầu tin càng có khuynh hướng trở nên phức tạp hơn. Những

đặc điểm tính cách này đã hình thành nên sự biến đổi HVTT của GV.

Với đặc điểm hành vi này, thông tin tìm được thường giúp các GV đạt được nhiều thành tích trong quá trình thực hiện vai trò của mình, chẳng hạn như họ có thể viết được nhiều bài báo, giáo trình có tính mới và giá trị khoa học cao.

**Tính cạnh tranh (Competitiveness):** Đối với GV có tính cách này, thông thường họ sẽ thấy thiếu thời gian để tìm kiếm thông tin. Hay nói cách khác, tính cách này thể hiện sự thiếu kiên nhẫn để tìm kiếm thông tin, cho đến khi họ thực sự cần đến thông tin này. Khi đó, GV sẽ nhận thấy họ không có nhiều thời gian để tìm kiếm thông tin. Chính vì vậy, GV có tính cách này sẽ khó có thể tìm, chọn lọc và đánh giá thông tin một cách tốt nhất. Tuy nhiên, chính sự không hài lòng với thông tin mà GV tìm được sẽ có ý nghĩa lớn đối với việc nghiên cứu và hoàn thiện HVTT của GV. Bởi lẽ, trên cơ sở này, các thư viện đại học có thể thiết kế hệ thống tìm tin hiệu quả hơn cho những GV có tính cách này nhằm giúp họ tìm được thông tin phù hợp nhất trong thời gian hạn chế.

**Tính chu đáo, tận tâm (Conscientiousness):** Những GV có tính cách này thường thích tìm kiếm những tài liệu có tính mới, kích thích sự sáng tạo của bản thân dựa trên những ý tưởng trước đó. Đặc biệt, với tính cách này, GV thực sự nỗ lực để tìm được thông tin mà mình cần. Họ sẵn sàng dành thời gian, tiền bạc và công sức để có được thông tin thích hợp. Điểm nổi bật của GV có tính cách này là tính tự chủ, tự kiểm soát, nghĩa là họ có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, họ nỗ lực hết sức để đạt mục tiêu. Ngoài ra, GV thường rất kiên nhẫn và có chiến lược tìm kiếm thông tin rõ ràng. Điều này tạo nên sự hoàn thiện trong HVTT của GV, bởi lẽ, kết quả tìm kiếm được sử dụng một cách hiệu quả trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ và giải quyết

vấn đề của GV. Hay nói cách khác, họ thực sự rất kiên trì và nghiêm túc trong quá trình tìm kiếm thông tin và sử dụng thông tin để thực hiện mục tiêu.

Trong quá trình tìm kiếm thông tin, có một số người chủ động xây dựng chiến lược tìm tin, trong khi một số khác lại tìm kiếm thông tin một cách ngẫu nhiên và linh hoạt. Với từng tính cách khác nhau cho thấy sự khác biệt trong HVTT của người dùng tin nói chung và GV nói riêng. Bằng phương pháp thực nghiệm về hành vi tìm kiếm thông tin của GV, bài viết giới hạn chọn mẫu ngẫu nhiên 30 GV (gồm 15 GV nam và 15 GV nữ có độ tuổi từ 25 đến 45, trình độ tối thiểu là thạc sỹ chuyên ngành) phân bổ thuộc 3 nhóm ngành trong trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Các nhóm ngành bao gồm: nhóm ngành ngôn ngữ (Anh, Pháp, Đức, Ý, Trung, Hàn, Nhật...); nhóm ngành khoa học cơ bản (văn học, triết học, địa lý, lịch sử...) và nhóm ngành khoa học ứng dụng (báo chí và truyền thông, công tác xã hội, đô thị học, thông tin học,...).

Nội dung bảng hỏi gồm các tiêu chí xác định mối liên hệ giữa đặc điểm tính cách của GV với quá trình tìm kiếm thông tin, như: tìm hiểu hành vi xác định và chọn lọc nguồn thông tin, xây dựng chiến lược tìm tin và đánh giá, xử lý thông tin sau khi tìm được. Chẳng hạn, GV xác định nguồn thông tin như thế nào, thời gian tìm kiếm thông tin có phải là rào cản lớn đối với quá trình tìm tin của GV, GV có hoàn toàn tự tin vào kỹ năng tìm tin của mình, có thường mở rộng phạm vi tìm kiếm thông tin và tìm kiếm thông tin bằng nhiều cách thức khác nhau,... Bảng hỏi được gửi trực tiếp, qua email và facebook cá nhân của GV trong thời gian 01 tháng.

Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy, 30 GV có những xu hướng tính cách khác

nhau. Trong đó, tính khám phá và tìm tòi có tỷ lệ cao nhất so với các loại tính cách khác (chiếm 36.7%) và tính cạnh tranh chiếm tỷ lệ thấp nhất (10%). GV có tính chu đáo, tận tâm và tinh nhạy cảm có tỷ lệ tương đương nhau.

Có thể thấy, mỗi GV có tính cách khác nhau, đôi khi có sự pha trộn các đặc điểm tính cách trong từng GV. Mặc dù vậy, những đặc điểm chính mà GV biểu hiện cũng hình thành xu hướng tính cách cơ bản, ổn định, đặc trưng, chủ đạo và giữ vai trò định hướng hành vi của GV. Những tính cách này ảnh hưởng rất lớn, có tính quyết định đến hành vi tìm kiếm thông tin của mỗi GV. Chính vì vậy, việc nhận diện tính cách và sự ảnh hưởng của tính cách đối với hành vi tìm kiếm thông tin của GV là điều cần thiết. Trên cơ sở đó, thư viện có thể phát huy vai trò chủ động của mình trong quá trình hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của GV bằng những biện pháp cụ thể.

#### 4. Sự hỗ trợ của thư viện đại học trong quá trình hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của giảng viên theo tính cách

Để có thể hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin nói riêng, HVTT của GV nói chung, cần thực hiện nhiều giải pháp liên quan đến GV, nhà trường và thư viện đại học. Trong đó, giải pháp từ thư viện đại học được xem là có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi tìm kiếm thông tin của GV. Các giải pháp này được xây dựng trên cơ sở thực tiễn từ kết quả nghiên cứu HVTT của GV tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh và từ kết quả thực nghiệm hành vi tìm kiếm thông tin của 30 GV tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về sự khác biệt đặc điểm tính cách của GV trong hành vi tìm kiếm thông tin.

*Trước hết, nâng cao chất lượng vốn tài liệu của thư viện đại học, tăng cường vốn tài liệu từ hệ thống thư viện khoa, bộ môn. Đây*

được xem là một giải pháp quan trọng nhất trong hầu hết các nghiên cứu về HVTT của GV, bởi lẽ, GV luôn có xu hướng sử dụng nguồn thông tin dễ tiếp cận, có khả năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu tin chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn mà họ hoạt động. Đối với những GV có tính cách khám phá, tìm tòi, họ sẽ có xu hướng mở rộng phạm vi tìm kiếm thông tin. Khi đó, họ sẽ luôn lựa chọn sử dụng thư viện như một nguồn thông tin ưu tiên. Ngoài ra, nguồn tài nguyên giáo dục truy cập mở được xem là một nguồn thông tin cực kỳ quan trọng và hữu ích đối với mọi người dùng tin, trong đó bao gồm GV có tính cách khám phá, tìm tòi. Do vậy, các thư viện có thể tiến hành bổ sung tài liệu, tận dụng các nguồn lực sẵn có bao gồm vốn tài liệu, cơ sở vật chất, nhân lực để phục vụ cho GV, thư viện có thể tiến hành xây dựng các bộ sưu tập chuyên đề theo từng lĩnh vực đào tạo của nhà trường và chủ động cung cấp đến GV. Bên cạnh đó, hệ thống liên thư viện khoa, bộ môn và không gian phục vụ được mở rộng sẽ giúp GV có khả năng tiếp cận và khai thác đa dạng nguồn lực thông tin của thư viện đại học, các khoa, bộ môn trong nhà trường.

*Tăng cường hoạt động quảng bá của thư viện đại học đối với giảng viên theo từng nhóm tính cách khác nhau.* GV là nhóm người dùng tin có ít thời gian để tìm kiếm thông tin, đặc biệt, với tính nhạy cảm và tính cạnh tranh, GV thường bị rào cản tâm lý về mặt thời gian đối với quá trình tìm kiếm thông tin, họ luôn bị áp lực tâm lý thiếu thời gian để tìm được thông tin thích hợp. Do vậy, nội dung quảng bá nên có trọng tâm, chú ý nhiều hơn đến các sản phẩm, dịch vụ TT-TV đặc trưng hỗ trợ GV trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học. Chẳng hạn, đối với GV có tính cạnh tranh, họ sẽ luôn lựa chọn những thông tin nào cần thiết nhất trong thời gian ngắn nhất. Thông tin quảng bá đối với nhóm người dùng tin này

cần đảm bảo sự nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ và phục vụ được mục tiêu tìm kiếm thông tin của họ. Trong khi đó, nhóm GV có tính cách chu đáo, tận tâm, họ sẵn sàng chi trả, bỏ ra công sức, thời gian để hiểu rõ những nguồn thông tin mà họ có thể khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu tin của bản thân. Do vậy, hoạt động quảng bá đối với đặc điểm tính cách này có thể ở phương thức, nội dung và mức độ đa dạng hơn, mang đến nhiều sự lựa chọn cho GV. Ví dụ, thư viện có thể quảng bá qua các phương tiện truyền thông xã hội (facebook, twitter, youtube,...) đối với nhóm GV có tính hướng ngoại, tính khám phá và tìm tòi. Trong khi đó, nhóm người dùng tin có tính cách nhạy cảm sẽ phù hợp với phương thức quảng bá qua email cá nhân hoặc trao đổi trực tiếp.

*Phát triển mối liên hệ hợp tác giữa cán bộ thư viện liên lạc và giảng viên.* Dù với tính cách nào thì quá trình tương tác, giao tiếp và phối hợp giữa GV và cán bộ thư viện là cần thiết bởi cán bộ thư viện là đội ngũ hỗ trợ tích cực cho GV trong quá trình tìm kiếm thông tin. Ngoài ra, hoạt động phối hợp trong bổ sung tài liệu có thể được thực hiện thông qua việc GV giúp xác định, chọn lọc các loại hình, nội dung tài liệu phù hợp với chuyên ngành đào tạo; phối hợp trong quá trình xây dựng đề cương môn học và bổ sung tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu môn học; phối hợp với cán bộ thư viện nhằm thực hiện các sản phẩm dịch vụ chuyên ngành như trình bày chuyên đề với vai trò là diễn giả, là người dùng tin của thư viện sẽ giúp thư viện có thể quảng bá sản phẩm dịch vụ TT-TV. Về phía thư viện, có thể triển khai dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc theo yêu cầu một cách định kỳ và thường xuyên đến GV, hỗ trợ GV trong hoạt động nghiên cứu khoa học như chọn nơi công bố công trình khoa học chuyên ngành có uy tín, kỹ năng trích dẫn, lập danh mục tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, ...

Ví dụ, đối với GV có tính nhạy cảm, việc phối hợp này giúp GV nhanh chóng tìm được thông tin phù hợp nhu cầu. Đồng thời, tính cách hướng ngoại sẽ giúp GV có sự phối hợp tốt với các cán bộ thư viện trong quá trình tìm kiếm thông tin cần thiết, mở rộng phạm vi kết nối không chỉ đối với đồng nghiệp, người học mà còn là đội ngũ cán bộ thư viện của thư viện trường.

*Phát triển các dịch vụ hỗ trợ GV tìm kiếm thông tin.* Một số sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng đặc điểm tính cách của GV, như: bộ sưu tập theo chuyên đề, ngành đào tạo, lĩnh vực chuyên môn; danh mục công bố khoa học theo ngành, lĩnh vực; dịch vụ xử lý dữ liệu nghiên cứu; dịch vụ quản lý hồ sơ nghiên cứu của GV; dịch vụ huấn luyện, đào tạo kiến thức thông tin trực tuyến; dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc (SDI). Chẳng hạn, dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc, dịch vụ xử lý dữ liệu nghiên cứu sẽ giúp những GV có tính nhạy cảm và tính cạnh tranh lựa chọn, bởi họ cảm thấy thời gian là rào cản ảnh hưởng đến quá trình tìm kiếm thông tin của mình, nên việc lựa chọn những dịch vụ tiết kiệm thời gian và công sức sẽ giúp họ có được thông tin mình cần tìm. Tương tự, đối với nhóm tính cách hướng ngoại, thư viện cung cấp danh mục công bố khoa học theo ngành, lĩnh vực sẽ giúp GV có thể tiếp cận được nhiều lĩnh vực khác nhau, các hướng nghiên cứu mới mà không giới hạn trong phạm vi chủ đề mà họ đang quan tâm.

### Kết luận

Sự đa dạng trong tính cách của từng GV hình thành nên đặc điểm hành vi tìm kiếm thông tin của GV tại các trường đại học. Để hoàn thiện HVTT của GV, các biện pháp cụ thể khác cũng cần được triển khai linh hoạt như nghiên cứu hành vi tìm kiếm thông tin của GV nhằm nhận diện những đặc điểm về hành vi của GV trong quá trình xác định,

đánh giá nguồn thông tin, xây dựng chiến lược tìm kiếm thông tin, xử lý và chọn lọc thông tin. Đồng thời, cũng cần nhận diện và phân loại được đặc điểm tính cách của GV, giúp thư viện xây dựng hồ sơ người dùng tin là GV với các xu hướng tính cách khác nhau, có thêm cơ sở thực tiễn để phát triển nguồn lực thông tin phù hợp, giúp GV hoàn thiện hơn trong hành vi tìm kiếm thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và tự học trong nhà trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn Sao (2013). *Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
2. Meyers Eric M, Fisher Karen E và Marcoux Elizabeth (2009). "Making sense of an information world: The everyday-life information behavior of preteens", *The Library Quarterly*, Vol. 79(3), p.301-341.
3. Fisher, Karen; Erdelez, Sanda & McKechnie, Lynne (E.F.) eds (2005). *Theories of Information Behavior*, Information Today, Medford, NJ.
4. Gericke, E.M. (2001). *Information users: only study guide for INS303-6*, University of South Africa, Pretoria.
5. Heinstróm, J. (2003). "Five personality dimensions and their influence on information behaviour", *Information Research*, 9(1) paper 165 [Available at <http://InformationR.net/lir/9-1/paper165.html>]
6. Phares, E. J. (1991). *Introduction to psychology*. (3rd. ed.) New York: Harper Collins Publishers.
7. Wu, I (2011). "Towards supporting information seeking and retrieval activities based on evolving topic-needs", *Journal of Documentation*, 67(3), p.525-559.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-11-2018;  
Ngày phản biên đánh giá: 06-02-2019; Ngày  
chấp nhận đăng: 15-3-2019).